

Số: 5070/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động theo nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 2570/BNV-TCBC ngày 22/5/2019 về việc hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Căn cứ Công văn số 6127/BNV-TCCB ngày 09/12/2019 của Bộ Nội vụ về hợp đồng lao động theo nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) trong cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh năm 2020 và năm 2021;

Căn cứ Công văn số 4573/BNV-TCBC ngày 03 ngày 9 năm 2020 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Đồng Nai năm 2021.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5942/TTr-SNV ngày 31 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 274 chỉ tiêu hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. (theo Phụ lục I đính kèm).



Điều 2. Giao 3.658 chỉ tiêu hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh (theo Phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm phân bổ kinh phí theo số chỉ tiêu hợp đồng lao động nêu trên cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc chấm dứt hợp đồng lao động, giải quyết chế độ chính sách đối với các hợp đồng lao động theo quy định.

Điều 4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh, người đứng đầu các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

1. Quản lý, sử dụng các chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) được giao theo đúng quy định.

2. Thực hiện việc cắt giảm chỉ tiêu, giải quyết chế độ, chính sách đối với hợp đồng lao động theo Nghị số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) theo quy định pháp luật. Thời gian hoàn thành trong tháng 02/2021.

3. Trường hợp thật sự cần thiết, cần nhân sự hỗ trợ, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo hướng hợp đồng dịch vụ, vụ việc với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ từ nguồn kinh phí tự chủ hoặc đề xuất thực hiện biệt phái nhân sự từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc để hỗ trợ công tác.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh, người đứng đầu các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, KGVX, CTTĐT.

E/Hài-VX/01.2021



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



PHỤ LỤC I

**DANH SÁCH GIAO CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 5070/QĐ-UBND ngày 31.12.2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng hợp đồng lao động giao năm 2021	Ghi chú
1	2	6	7
A	Khối sở, ban, ngành	149	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	5	
2	Văn phòng UBND tỉnh	27	
3	Sở Tài chính	7	
4	Sở Y tế	12	
5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	7	
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	
7	Ban Dân tộc	3	
8	Sở Công thương	3	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	
10	Sở Ngoại vụ	4	
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	20	
12	Sở Nội vụ	10	
13	Thanh tra tỉnh	4	
14	Sở Giao thông vận tải	10	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	
16	Sở Tư pháp	2	
17	Sở Khoa học và Công nghệ	4	
18	Ban Quản lý các KCN	5	
19	Sở Xây dựng	4	
20	Sở Thông tin và Truyền thông	5	
21	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	4	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng hợp đồng lao động giao năm 2021	Ghi chú
22	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	
B	CẤP HUYỆN	125	
1	UBND TP Biên Hòa	2	
2	UBND Huyện Tân Phú	5	
3	UBND Huyện Nhơn Trạch	13	
4	UBND Huyện Long Thành	11	
5	UBND thành phố Long Khánh	9	
6	UBND Huyện Định Quán	12	
7	UBND Huyện Vĩnh Cửu	13	
8	UBND Huyện Xuân Lộc	13	
9	UBND huyện Cẩm Mỹ	18	
10	UBND Huyện Thống Nhất	16	
11	UBND Huyện Trảng Bom	13	
Tổng cộng (A+B)		274	



PHỤ LỤC II
DANH SÁCH GIAO CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 5070/QĐ-UBND ngày 31.../.../2021 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2021	Ghi chú
1	2	5	
	Tổng cộng	3,658	
I	Khối trực thuộc UBND tỉnh	60	
1	Trường Đại học Đồng Nai	32	
2	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	6	
3	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa	22	
II	Khối trực thuộc sở, ban, ngành	661	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	232	
2	Sở Y tế	254	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	43	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	94	
5	Sở Giao thông vận tải	1	
5.1	Cảng vụ đường thủy nội địa	1	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6	
6.1	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành	1	
6.2	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú	2	
6.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	3	
7	Văn phòng UBND tỉnh	20	
7.1	Trung tâm Hội nghị và tổ chức sự kiện	20	

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2021	Ghi chú
8	Sở Công Thương	3	
8.1	Trung tâm Khuyến công	1	
8.2	Trung tâm Xúc tiến thương mại	2	
14	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	4	
14.1	Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học	4	
15	Tỉnh đoàn	4	
15.1	Nhà Thiếu nhi	4	
16	Sở Khoa học và Công nghệ	0	
III	Khôi trực thuộc UBND cấp huyện	2,937	
1	Thành phố Biên Hòa	424	
1.1	Các trường công lập thuộc thành phố	419	
1.2	Sự nghiệp khác	5	
2	Thành phố Long Khánh	220	
2.1	Các trường công lập thuộc thành phố	212	
2.2	Sự nghiệp khác	8	
3	Huyện Cẩm Mỹ	253	
3.1	Các trường công lập thuộc huyện	247	
3.2	Sự nghiệp khác	6	
4	Huyện Định Quán	320	
4.1	Các trường công lập thuộc huyện	306	
4.2	Sự nghiệp khác	14	
5	Huyện Long Thành	228	
5.1	Các trường công lập thuộc huyện	217	
5.2	Sự nghiệp khác	11	

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2021	Ghi chú
6	Huyện Nhơn Trạch	205	
6.1	Các trường công lập thuộc huyện	184	
6	Sự nghiệp khác	21	
7	Huyện Tân Phú	310	
7.1	Các trường công lập thuộc huyện	300	
7.2	Sự nghiệp khác	10	
8	Huyện Thống Nhất	200	
8.1	Các trường công lập thuộc huyện	189	
8.2	Sự nghiệp khác	11	
9	Huyện Trảng Bom	269	
9.1	Các trường công lập thuộc huyện	263	
9.2	Sự nghiệp khác	6	
10	Huyện Vĩnh Cửu	152	
10.1	Các trường công lập thuộc huyện	140	
10.2	Sự nghiệp khác	12	
11	Huyện Xuân Lộc	356	
11.1	Các trường công lập thuộc huyện	350	
11.2	Sự nghiệp khác	6	